

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 201/2025/HNGĐ-ST

Ngày 24 – 9 – 2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Trường An

Ông Duyên Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Đoàn Chí Nguyễn – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19, 24 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2025/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 340/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Diễm N, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp B, xã K, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp I, xã K, tỉnh Cà Mau. Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã K, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh D chung sống với nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã K, tỉnh Cà Mau). Quá trình chung sống, anh D có đánh chị, năm 2024 anh D tiếp tục đánh chị, do khi chị bệnh thường mất kiểm soát, cha chị và anh D bạo lực với chị, chị cảm thấy không còn hạnh phúc nên yêu cầu xin ly hôn với anh D.

- Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Uyên T, sinh ngày 05/3/2019,

Khi ly hôn chị thống nhất giao cháu T cho anh D nuôi, việc cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với chị N về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì, trước đây do chị N bệnh mất kiểm soát, do anh sợ chị giữ con không được nên có tranh giữ con với chị N và có đánh chị, chủ yếu để bảo vệ cho con chứ không phải vì mâu thuẫn giữa vợ chồng, hiện anh chị vẫn sống cùng nhà, sinh hoạt chung trong gia đình nhà cha vợ anh. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị N, do chị N mất kiểm soát khi bệnh nên khi anh và cha vợ anh có ép uống thuốc dẫn đến chị Nghi N1 là anh và cha vợ anh dùng bạo lực với chị.

- Về con chung: Anh thống nhất với ý kiến chị N trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị N và anh D chung sống với nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã K, tỉnh Cà Mau) nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Tại phiên tòa, chị N xác định chị có bị bệnh rối loạn cảm xúc nhưng không uống thuốc do thuốc làm ảnh hưởng đến sức khỏe của chị nên anh D, cha ruột chị cùng các người thân khác có ép chị uống thuốc, quá trình này anh D có dùng bạo lực nên chị không đồng ý, ngoài ra anh D cũng không quan tâm đến cảm xúc và suy nghĩ của chị, hiện nay chị không còn tình cảm với anh D nên yêu cầu xin ly hôn. Anh D xác định khi chị N phát bệnh anh và gia đình có ép chị N uống thuốc dẫn đến chị N cho rằng anh bạo lực với chị, thực tế giữa anh chị không có mâu thuẫn gì nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy: Tại phiên tòa chị N và anh D cùng xác định anh chị đang sống cùng nhà với cha mẹ ruột chị N, trong cuộc sống hàng ngày anh chị không có mâu thuẫn, cự cãi gì, vẫn nói chuyện, ngủ chung và quan hệ vợ chồng với nhau kể cả trong thời điểm chị N đang khởi kiện ly hôn, lời trình bày này cũng phù hợp với các biên bản xác minh đối với ông Lương Văn N2, ông Mai Văn L, bà Mai Thị T1 là cha, cậu, dì ruột của chị N, cùng xác nhận chị N và anh D không có mâu thuẫn, cự cãi gì, hàng ngày vẫn nói chuyện, ngủ chung với nhau, chỉ có phát sinh việc chị N bị bệnh thì anh D và gia đình có ép chị N uống thuốc dẫn đến chị N nghĩ anh D dùng bạo lực

với chị, anh D là người lo lắng và chăm sóc trong thời gian chị N bệnh. Tại phiên tòa anh D tha thiết được đoàn tụ vì anh chị không có mâu thuẫn, anh vẫn còn tình cảm với chị, đồng thời để anh có thể chăm sóc chị trong thời gian chị bị bệnh.

Hội đồng xét xử xét thấy chị N yêu cầu ly hôn nhưng chưa đưa ra được chứng cứ chứng minh giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, hiện nay cuộc sống hôn nhân của anh chị đang được duy trì do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận,

[4] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị N phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của chị Lương Diễm N xin ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011557 ngày 06/8/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Cà Mau, chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 3 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký
Hồ Dũng Liêm